

Số: 356/2025/QĐST-HNGĐ

A, ngày 05 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 238/2025/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Đỗ Thị Tuyết Sương**, sinh ngày 10/5/1993. CCCD số: 046193018508 cấp ngày 11/11/2021. HKTT: Tổ 68, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn – nay là phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: 327 Nguyễn Duy Trinh, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn*: Ông **Bùi Văn V**, sinh ngày 12/12/1988, CCCD số: 030088024165 cấp ngày 11/11/2021. Địa chỉ: Đ: Số D P, phường N, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27/11/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Đỗ Thị Tuyết S và ông Bùi Văn V, *(Do công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà S và ông V nên giấy chứng nhận kết hôn số 120/2016 do UBND phường T, quận H (nay là phường H) cấp ngày 17/1/2016 không còn giá trị pháp lý).*

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Tuyết S và ông Bùi Văn V thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Bà S và ông V xác định vợ chồng có 02 con chung tên là: Bùi Gia B, sinh ngày 26/01/2019 và Bùi Hải N, sinh ngày 23/01/2021. Thuận tình ly hôn, bà S và ông V thống nhất thỏa thuận: Giao con chung Bùi Hải N, sinh ngày 23/01/2021 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; ông V trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Gia B, sinh ngày 26/01/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Bà S và ông V xác định không có nợ chung.

3. Án phí HNGĐ-ST: 150.000 đồng bà S tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003511 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà S được hoàn lại số tiền chệch lệch 150.000 đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui

định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 2 - Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- UBND phường Hải Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Đông Thanh

